

Số: 391/QĐ-ĐN5

Lâm Đồng, ngày 20 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động và An toàn điện năm 2024

GIÁM ĐỐC CÔNG TY THỦY ĐIỆN ĐỒNG NAI 5 - TKV

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;

Căn cứ văn bản số 2408/ĐLTKV-KH ngày 07/12/2023 của Tổng Công ty Điện lực – TKV về việc Tạm Giao/Thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 2071/QĐ-ĐN5 ngày 29/12/2023 của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-ĐN5 ngày 02/6/2023 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc kiện toàn tổ chuyên gia;

Căn cứ Tờ trình ngày 26/02/2024 của Phòng KTAT về việc huấn luyện An toàn vệ sinh lao động và An toàn điện năm 2024;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia tại Tờ trình ngày 20 tháng 3 năm 2024 v/v Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động và An toàn điện năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp: Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động và An toàn điện năm 2024 với nội dung như sau:

Giá trị dự toán: **38.454.500 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi bốn ngàn, năm trăm đồng). Chi tiết như phụ lục 01 kèm theo.



1. Kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp:

- Tên gói: Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động và An toàn điện năm 2024.
- Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024.
- Hình thức lựa chọn nhà cung cấp: Ký hợp đồng trực tiếp theo quy định tại Khoản 4, Điều 8, Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV.
- Thời gian bắt đầu lựa chọn nhà cung cấp: Quý I/2024;
- Loại hợp đồng: Trọn gói.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực;
- Địa điểm thực hiện: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng.

Điều 2: Giao cho Tổ chuyên gia tổ chức thực hiện lựa chọn Nhà cung cấp dịch vụ đúng theo quy định hiện hành. Giao cho Phòng Tổ chức – Hành chính, phòng Kỹ thuật An Toàn giám sát nghiệm thu công tác Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động và An toàn điện năm 2024.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TCKT, KHĐT-VT, Tr.

GIÁM ĐỐC



Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC 01
BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ
HUẤN LUYỆN AN TOÀN VỆ SINH LAO ĐỘNG, AN TOÀN ĐIỆN NĂM 2024
 (Kèm theo Quyết Định số 391/QĐ-ĐN5 ngày 20/3/2024)

STT	Tên dịch vụ	Số lượng (Học viên)	Thời gian học (ngày)	Đơn giá tiêu chuẩn	Đơn giá quy đổi (Do không đủ số lượng HV/lớp)	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)*1,5*20/(3)		
I	Huấn luyện an toàn lao động	59				26.368.000	
1	Nhóm 3 – Lần đầu	02	3,0	507.000	760.500	1.521.000	Học ghép với DV khác
2	Nhóm 3 – Định kỳ	40	1,5	366.000	439.000	17.560.000	Học tập trung tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV
3	Nhóm 4 – Định kỳ	16	1,0	233.000	388.333	6.990.000	Học tập trung tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV
4	Nhóm 6 – Định kỳ	01	0,25	198.000	297.000	297.000	Học ghép với DV khác
II	Huấn luyện an toàn điện	53				12.086.500	
1	Huấn luyện lần đầu	01	03	327.000	490.500	490.500	Học ghép với DV khác
2	Huấn luyện định kỳ	52	01	210.000	223.000	11.596.000	Học tập trung tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV
	Tổng cộng	112				38.454.500	

(Bảng chữ: Ba mươi tám triệu, bốn trăm năm mươi bốn ngàn, năm trăm đồng)

PHỤ LỤC 01.01
DANH SÁCH HUẤN LUYỆN AN TOÀN, VỆ SINH LAO ĐỘNG NĂM 2024
(Kèm theo Quyết Định số 39/QĐ-ĐN5 ngày 20/3/2024)

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
I	Nhóm 3					
1	Mai Quốc Huy	01/09/1982	038082049495	NV	KT-AT	HL định kỳ
2	Nguyễn Đức Trung	16/08/1992	034092024010	NV	KT-AT	HL định kỳ
3	Trần Anh Vũ	20/7/1996	068096004825	NV	KT-AT	HL định kỳ
4	Phan Anh Minh	18/08/1983	068083001980	NV	KTAT	HL định kỳ
5	Trần Duy	25/11/1984	077084004369	TC	PXVH-SC	HL định kỳ
6	Phạm Quang Trường	22/11/1989	250778028	TC	PXVH-SC	HL định kỳ
7	Bùi Trung Hiếu	26/09/1989	068089005514	TC	PXVH-SC	HL định kỳ
8	Nguyễn Phi Vũ	10/10/1990	042090021593	TC	PXVH-SC	HL định kỳ
9	Dương Đức Hùng	12/10/1987	042087020697	TC	PXVH-SC	HL định kỳ
10	K' Brus	02/05/1983	068083002784	TK	PXVH-SC	HL định kỳ
11	Nguyễn Văn Đoàn	13/10/1988	030088024053	TK	PXVH-SC	HL định kỳ
12	Nguyễn Đình Hà	07/04/1984	040084009240	TK	PXVH-SC	HL định kỳ
13	Đỗ Tiến Văn	01/04/1984	034084017630	TK	PXVH-SC	HL định kỳ
14	Nguyễn Thế Mạnh	13/08/1985	034085005664	TK	PXVH-SC	HL định kỳ
15	Nguyễn Văn Bắc	01/07/1988	001088050036	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
16	Nguyễn Như Thái	25/08/1990	040090038271	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
17	Trịnh Bá Bắc	20/08/1991	038091035868	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
18	Trần Văn Trương	14/06/1992	037092009943	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
19	Mai Thế Quyền	30/10/1988	068088008240	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
20	Phạm Văn Dũng	05/10/1986	042086018003	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
21	Nguyễn Quốc Đạo	19/05/1993	035093008908	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
22	Vũ Tá Luân	24/03/1988	067088000033	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
23	Phan Đình Hào	30/08/1985	042085000619	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
24	Lê Văn Trường	10/06/1991	068091005990	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
25	Phạm Tiến Hùng	12/07/1985	068085004630	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
26	Trần Ngọc Minh	03/09/1992	035092015532	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
27	Ngô Đức Thông	06/08/1990	042090017668	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
28	Nguyễn Văn Trọng	29/12/1992	038092042897	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
29	Đặng Hồng Thái	12/06/1990	042090016513	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ
30	Bùi Việt Bắc	01/04/1989	068089007557	SC	PXVH-SC	HL định kỳ
31	Phan Văn Thương	10/04/1983	040083038631	SC	PXVH-SC	HL định kỳ
32	Nguyễn Hoàng Anh	14/12/1993	091711206	SC	PXVH-SC	HL định kỳ
33	Trương Đình Thống	10/12/1991	052091015686	SC	PXVH-SC	HL định kỳ
34	Lâm Văn Đông	22/6/1986	040086035264	SC	PXVH-SC	HL định kỳ
35	Lê Quốc Đạt	28/5/1997	042097014459	SC	PXVH-SC	HL định kỳ
36	Nguyễn Văn Trung	08/06/1975	035075008346	SC	PXVH-SC	HL định kỳ
37	Trần Ngọc Thạch	21/05/1989	068089004266	TTĐ	PXVH-SC	HL định kỳ
38	Hoàng Thị Hải Thùy	26/08/1990	042190021692	TTĐ	PXVH-SC	HL định kỳ
39	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	20/06/1980	091180011545	NV TK	PXVH-SC	HL định kỳ
40	Phạm Tuấn Anh	20/07/1988	064088011016	TKV	PXVH-SC	HL định kỳ

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND	Chức danh	Đơn vị công tác	Ghi chú
41	Đinh Xuân Tiệm	15/03/1974	034074019500	Lái xe	TCHC	HL lần đầu
42	Tổng Văn Chiến	26/08/1972	038072013679	Lái xe	TCHC	HL lần đầu
II	Nhóm 4					
1	Nguyễn Thị Ái	02/09/1976	034176020253	NV	TCKT	HL định kỳ
2	Nguyễn Thị Bích Liên	04/03/1969	019169010582	NV	TCKT	HL định kỳ
3	Nhữ Trịnh Minh Hiếu	23/04/1991	068191002580	Thủ quỹ	TCKT	HL định kỳ
4	Lê Đình Hùng	27/11/1991	040091020264	NV	TCKT	HL định kỳ
5	Nguyễn Thị Thanh	09/06/1985	040185002640	NV	KHĐT-VT	HL định kỳ
6	Vũ Duy Dương	26/05/1982	030082022359	NV	KHĐT-VT	HL định kỳ
7	Nguyễn Thị Phấn	16/06/1990	034190022045	NV	KHĐT-VT	HL định kỳ
8	Nguyễn Hữu Trình	12/10/1979	001079046815	NV	KHĐT-VT	HL định kỳ
9	Phạm Thúy Hà	07/12/1986	068186003318	NV	TCHC	HL định kỳ
10	Nguyễn Thị Yên	10/10/1973	034173023684	NV	TCHC	HL định kỳ
11	Mai Thị Mỹ Linh	19/08/1994	068194005488	NV	TCHC	HL định kỳ
12	Hoàng Thị Hằng	05/10/1977	042187009525	NV	TCHC	HL định kỳ
13	Nguyễn Thị Oanh	16/07/1985	035185008283	NV	TCHC	HL định kỳ
14	Nguyễn Thị Kiều Oanh	26/06/1978	090678865	NV	TCHC	HL định kỳ
15	Đỗ Thị Nhân	16/07/1982	036182006040	Nấu ăn	TCHC	HL định kỳ
16	Nguyễn Minh Tấn	14/11/1981	060081002503	NV	TCHC	HL định kỳ
III	Nhóm 6					
1	Ngô Đức Thông	06/08/1990	042090017668	ĐHV	PXVH-SC	HL định kỳ

PHỤ LỤC 01.02
DANH SÁCH HUẤN LUYỆN AN TOÀN ĐIỆN NĂM 2024
(Kèm theo Quyết Định số 394/QĐ-ĐN5 ngày 20/3/2024)

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ CCCD	Chức danh	Bậc ATĐ	Ghi chú
1	Trần Văn Tuấn	19/03/1984	251182499	PGĐ	5	HL định kỳ
2	Trần Thanh Hải	20/04/1991	186 852 135	Phó GĐ	5	HL định kỳ
3	Trần Việt Anh	05/5/1972	035072004736	Phó GĐ	5	HL định kỳ
4	Đỗ Thanh Ngọc	05/07/1964	052064013409	Phó phòng	5	HL định kỳ
5	Đỗ Ngọc Doanh	10/03/1964	036064020688	Phó phòng	5	HL định kỳ
6	Nguyễn Thị Nguyệt Ánh	17/12/1981	034181000510	Phó phòng	5	HL định kỳ
7	Mai Quốc Huy	01/09/1982	038082049495	Nhân viên	5	HL định kỳ
8	Nguyễn Đức Trung	16/08/1992	034092024010	Nhân viên	5	HL định kỳ
9	Phan Anh Minh	18/08/1983	068083001980	Nhân viên	5	HL lần đầu
10	Trần Anh Vũ	20/7/1996	068096004825	Nhân viên	5	HL định kỳ
11	Phạm Văn Lộc	06/06/1978	037078008456	Quản đốc	5	HL định kỳ
12	Hà Anh Đức	20/01/1970	187607581	Phó quản đốc	5	HL định kỳ
13	Nguyễn Văn Bôn	08/07/1977	034077009921	Phó quản đốc	5	HL định kỳ
14	Trần Duy	25/11/1984	077084004369	Trưởng ca	5	HL định kỳ
15	Phạm Quang Trường	22/11/1989	250778028	Trưởng ca	5	HL định kỳ
16	Bùi Trung Hiếu	26/09/1989	068089005514	Trưởng ca	5	HL định kỳ
17	Nguyễn Phi Vũ	10/10/1990	042090021593	Trưởng ca	5	HL định kỳ
18	Dương Đức Hùng	12/10/1987	042087020697	Trưởng ca	5	HL định kỳ
19	K' Brus	02/05/1983	068083002784	Trưởng kíp	5	HL định kỳ
20	Nguyễn Văn Đoàn	13/10/1988	030088024053	Trưởng kíp	5	HL định kỳ
21	Nguyễn Đình Hà	07/04/1984	040084009240	Trưởng kíp	5	HL định kỳ
22	Đỗ Tiến Văn	01/04/1984	034084017630	Trưởng kíp	5	HL định kỳ
23	Nguyễn Thế Mạnh	13/08/1985	034085005664	Trưởng kíp	5	HL định kỳ
24	Bùi Việt Bắc	01/04/1989	068089007557	SC điện - Tổ trưởng	5	HL định kỳ
25	Nguyễn Văn Bắc	01/07/1988	001088050036	Điều hành viên	4	HL định kỳ
26	Nguyễn Như Thái	25/08/1990	040090038271	Điều hành viên	4	HL định kỳ
27	Trịnh Bá Bắc	20/08/1991	038091035868	Điều hành viên	4	HL định kỳ
28	Trần Văn Trương	14/06/1992	037092009943	Điều hành viên	4	HL định kỳ
29	Mai Thế Quyền	30/10/1988	068088008240	Điều hành viên	4	HL định kỳ
30	Phạm Văn Dũng	05/10/1986	042086018003	Điều hành viên	4	HL định kỳ
31	Nguyễn Quốc Đạo	19/05/1993	035093008908	Điều hành viên	4	HL định kỳ
32	Vũ Tá Luân	24/03/1988	067088000033	Điều hành viên	4	HL định kỳ
33	Phan Đình Hào	30/08/1985	042085000619	Điều hành viên	4	HL định kỳ
34	Lê Văn Trường	10/06/1991	068091005990	Điều hành viên	4	HL định kỳ
35	Phạm Tiến Hùng	12/07/1985	068085004630	Điều hành viên	4	HL định kỳ
36	Trần Ngọc Minh	03/09/1992	035092015532	Điều hành viên	4	HL định kỳ
37	Ngô Đức Thông	06/08/1990	042090017668	Điều hành viên	4	HL định kỳ
38	Nguyễn Văn Trọng	29/12/1992	038092042897	Điều hành viên	4	HL định kỳ
39	Đặng Hồng Thái	12/06/1990	042090016513	Điều hành viên	4	HL định kỳ

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Số CMND/ CCCD	Chức danh	Bậc ATĐ	Ghi chú
40	Phan Văn Thương	10/04/1983	040083038631	SC	4	HL định kỳ
41	Nguyễn Hoàng Anh	14/12/1993	091711206	SC	4	HL định kỳ
42	Trương Đình Thống	10/12/1991	052091015686	SC	4	HL định kỳ
43	Lâm Văn Đông	22/6/1986	040086035264	SC	4	HL định kỳ
44	Lê Quốc Đạt	28/5/1997	042097014459	SC	4	HL định kỳ
45	Nguyễn Văn Trung	08/06/1975	035075008346	SC	4	HL định kỳ
46	Trần Ngọc Thạch	21/05/1989	068089004266	TTĐ	3	HL định kỳ
47	Hoàng Thị Hải Thùy	26/08/1990	042190021692	TTĐ	3	HL định kỳ
48	Nguyễn Thị Tuyết Thanh	20/06/1980	091180011545	KTV	3	HL định kỳ
49	Phạm Tuấn Anh	20/7/1988	064088011016	KTV	3	HL định kỳ
50	Trần Thị Thúy Hằng	13/05/1993	064088011016	Y tế	2	HL định kỳ
51	Phạm Thị Bích Nhạn	27/10/1992	035193009258	Y tế	2	HL định kỳ
52	Đỗ Thị Nhân	16/07/1982	036182006040	Nấu ăn	2	HL định kỳ
53	Nguyễn Thị Kiều Oanh	26/6/1978	019178008195	Nấu ăn	2	HL định kỳ

PHỤ LỤC 02

NỘI DUNG YÊU CẦU CỦA GÓI CUNG CẤP
Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động, An toàn điện năm 2024
(Kèm theo Quyết Định số 391/QĐ-ĐN5 ngày 20/3/2024)

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT	6
Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ	6
Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất	6
Mục 3. Các yêu cầu về thương mại.....	6
Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất	7
Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất.....	7
Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất	11
Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.....	11
Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất.....	12
Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất	7
Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp.....	13
Mục 11. Hợp đồng	13
Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ	14
CHƯƠNG III. BIỂU MẪU.....	15

CHƯƠNG I. YÊU CẦU HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Mục 1: Tóm tắt nội dung của gói cung cấp dịch vụ

1. Tên gói cung cấp: Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động, An toàn điện năm 2024;
 2. Nguồn vốn thực hiện: Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2024;
 3. Thời gian thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
 4. Loại hợp đồng: Trọn gói;
- Địa điểm thực hiện: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP. Bảo Lộc, Lâm Đồng.
5. Phạm vi cung cấp dịch vụ: Chi tiết như Mục 2, Chương III của Hồ sơ yêu cầu.

Mục 2: Tính hợp lệ của hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải có đơn đề xuất dự cung cấp có đầy đủ nội dung theo quy định tại mẫu số 2 đính kèm dưới đây.
2. Nhà cung cấp phải đáp ứng về tư cách hợp lệ với các điều kiện sau đây:
 - Đăng ký thành lập, hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;
 - Có đủ điều kiện hoạt động trong lĩnh vực Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động, An toàn điện theo quy định.
 - Không đang trong quá trình bị giải thể, không bị kết luận đang lập vào tình trạng bị phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;
 - Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV.
3. Tài liệu đính kèm để chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp:
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Bản sao có chứng thực);
 - Tài liệu chứng minh đủ điều kiện hoạt động Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động, An toàn điện do cấp có thẩm quyền cấp như: giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động (Bản sao có chứng thực);
 - Cam kết trên đơn chào giá đáp ứng về tư cách hợp lệ nêu tại Khoản 2, Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

Có ít nhất 01 hồ sơ hợp đồng tương tự: Hợp đồng về Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động, An toàn điện có giá trị tối thiểu 30.000.000 đồng; hợp đồng Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành, Biên bản thanh lý hợp đồng; Hóa đơn tài chính theo quy định (bản sao có xác nhận của nhà cung cấp).

Mục 3. Các yêu cầu về thương mại

1. Giá chào: Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào giá, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm thực hiện cung cấp theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp sẽ không đạt.
2. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức

thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào giá và bảo đảm Bên mời cung cấp nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho toàn bộ đơn hàng.

3. Nhà cung cấp chào trọn gói cho toàn bộ các công việc theo nội dung yêu cầu của gói cung cấp. Chi tiết tại Mẫu số 1 đính kèm.

4. Địa điểm thực hiện: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10 Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP Bảo Lộc, Lâm Đồng.

5. Điều khoản thanh toán: Chi tiết như dự thảo hợp đồng đính kèm.

Mục 4. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong Hồ sơ đề xuất

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi khoản chi phí liên quan đến quá trình tham dự cung cấp dịch vụ;

2. Đồng tiền tham dự cung cấp dịch vụ và thanh toán là VNĐ;

3. Hồ sơ đề xuất cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ đề xuất được trao đổi giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu hỗ trợ trong Hồ sơ đề xuất có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời cung cấp có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung.

Mục 5. Nội dung hồ sơ đề xuất

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ đề xuất gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào giá theo Mẫu số 01, Chương III, Biểu chào giá chi tiết theo Mẫu số 02, Chương III.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ đề xuất có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm của nhà cung cấp quy định tại Mục 2 của Chương này.

3. Bảng liệt kê chi tiết nội dung dịch vụ phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của dịch vụ, theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

4. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 6. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ đề xuất

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất giá là **40 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.

Mục 7. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ đề xuất.

1. Trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua đường bưu điện: Hồ sơ đề xuất

phải được đóng trong phong bì dán kín có ghi đầy đủ tên, địa chỉ của nhà cung cấp, tên, số hiệu của gói cung cấp và ghi rõ Hồ sơ đề xuất không được mở trước giờ 00 phút ngày tháng năm 2024, có niêm phong gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện về địa chỉ: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng không muộn hơn giờ 00 phút ngày tháng năm 2024. Hồ sơ đề xuất được gửi đến Bên mời cung cấp sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất sẽ không được xem xét.

2. Trường hợp nộp qua email: Hồ sơ đề xuất tổng hợp vào 01 Folder gửi đồng thời 2 địa chỉ Email: vanthudn5.2012@gmail.com và tochuyengiadn5@gmail.com. không muộn hơngiờ 00 phút ngày tháng năm 2024.

3. Hồ sơ đề xuất sẽ được mở một cách công khai tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường I, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng trong vòng 1 giờ kể từ khi có thời điểm đóng bản chào giá. Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ đề xuất chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ đề xuất, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ đề xuất vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của Nhà cung cấp này.

4. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ đề xuất của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ đề xuất, giá trị bảo lãnh, thời gian và hiệu lực của bảo lãnh sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

5. Bên mời cung cấp chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Mục 8. Làm rõ Hồ sơ đề xuất

1. Sau khi mở Hồ sơ đề xuất, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ đề xuất theo yêu cầu của Bên mời cung cấp. Trường hợp Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời cung cấp yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về dịch vụ cung cấp, tài chính nêu trong Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ đề xuất đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất giữa Nhà cung cấp và Bên mời cung cấp được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ đề xuất, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ đề xuất của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời cung cấp để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ đề xuất.

4. Việc làm rõ Hồ sơ đề xuất chỉ được thực hiện giữa Bên mời cung cấp và Nhà cung cấp có Hồ sơ đề xuất cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ đề xuất và được Bên mời cung cấp bảo quản như Hồ sơ đề xuất.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời cung cấp thì Bên mời cung cấp sẽ đánh giá Hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp theo Hồ sơ đề xuất đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 9. Đánh giá Hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá Hồ sơ đề xuất được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá về tính hợp lệ của Hồ sơ đề xuất:

Hồ sơ đề xuất được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu được quy định tại Mục 2, Chương I của Hồ sơ yêu cầu.

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá.

3. Đánh giá về yêu cầu về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Nội dung, phạm vi cung cấp dịch vụ;
- Tiến độ cung cấp dịch vụ;
- Thời hạn cung cấp dịch vụ;
- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05

Chương III - Biểu mẫu.

4. Đánh giá về giá:

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với dịch vụ nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, bảo hành, v.v....

Hồ sơ đề xuất có đáp ứng về nội yêu cầu về kỹ thuật và có đơn giá thấp hơn đơn giá dự toán được duyệt sẽ được đánh giá là đạt.

Mục 10. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp dịch vụ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ đề xuất đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ yêu cầu;

Mục 11. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời cung cấp với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo Mẫu số 05 Chương III

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA DỊCH VỤ

Nhà cung cấp phải chào dịch vụ theo nội dung yêu cầu dưới đây:

Tên gói: Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động, An toàn điện năm 2024;

Phạm vi, nội dung yêu cầu của cung cấp dịch vụ

STT	Tên dịch vụ	Số lượng (Học viên)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	
I	Huấn luyện an toàn lao động	59	
1	Nhóm 3 – Lần đầu	02	
2	Nhóm 3 – Định kỳ	40	
3	Nhóm 4 – Định kỳ	16	
4	Nhóm 6 – Định kỳ	01	
II	Huấn luyện an toàn điện	53	
1	Huấn luyện lần đầu	01	
2	Huấn luyện định kỳ	52	
	Tổng cộng	112	

Tiến độ thực hiện các công việc thí nghiệm dự kiến tháng 4/2024

CHƯƠNG III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO GIÁ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào GIÁ]

Tên gói dịch vụ: _____ [Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

Kính gửi: [Điền tên đầy đủ của Bên mời cung cấp]

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ yêu cầu gói mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, [Ghi tên Nhà cung cấp], cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ [Ghi tên gói dịch vụ] theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền] cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại chi tiết như Mẫu số 2 đính kèm. Thời gian thực hiện hợp đồng là

[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của hồ sơ yêu cầu].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.
 2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
 3. Không có tên trong danh sách các Nhà cung cấp bị cấm tham dự quá trình của ĐLTKV và của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV
- Nếu Hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết thực hiện cung cấp dịch vụ đảm bảo đúng chất lượng, số lượng theo yêu cầu của Bên mời cung cấp.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian [Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng gói chào cung cấp].

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA DỊCH VỤ

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]

Tên dịch vụ: _____ [Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ yêu cầu]

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Cộng (VNĐ)	Ghi chú
I	Huấn luyện an toàn lao động					
1	Nhóm 3 – Lần đầu	Học viên	02			
2	Nhóm 3 – Định kỳ	Học viên	40			
3	Nhóm 4 – Định kỳ	Học viên	16			
4	Nhóm 6 – Định kỳ	Học viên	01			
II	Huấn luyện an toàn điện					
1	Huấn luyện lần đầu	Học viên	01			
2	Huấn luyện định kỳ	Học viên	52			
Cộng giá trị chưa thuế						
Thuế VAT %						
Tổng cộng						

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 03

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: _____ [Ghi tên gói dịch vụ theo Hồ sơ yêu cầu]

1. Địa điểm thực hiện:
2. Thời hạn giao nộp sản phẩm:
3. Tiến độ thực hiện cung cấp dịch vụ:
4. Thanh toán:
5. Các tài liệu đính kèm hồ sơ đề xuất

Mẫu số 04

BẢN KÊ CHI TIẾT CÁC NỘI DUNG PHẠM VI CUNG CẤP

Ngày: _____ [Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào giá]

Tên gói: _____ [Ghi tên gói cung cấp theo Hồ sơ yêu cầu]

Bảng liệt kê chi tiết danh mục các công việc thực hiện của dịch vụ được chào giá, phải ghi đầy đủ tiến độ thực hiện đáp ứng theo yêu cầu nêu tại Chương II của Hồ sơ yêu cầu.

DỰ THẢO HỢP ĐỒNG
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Số:/2024/HĐSXKD-ĐN5

Về việc: Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, An toàn điện năm 2024

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ.

Căn cứ Luật Dân sự ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật An toàn, vệ sinh lao động ngày 25/6/2015;

Căn cứ vào Thông tư 05/2021/TT-BCT ngày 02/8/2021 của Bộ Công thương về việc Quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện có hiệu lực ngày 22/9/2021;

Căn cứ Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của luật an toàn, vệ sinh lao động về hoạt động kiểm định kỹ thuật an toàn lao động, huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động và quan trắc môi trường lao động.

Căn cứ Quyết định số 130/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty điện lực TKV- CTCP về việc phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty thủy điện Đồng Nai 5 – TKV, chi nhánh của Tổng công ty điện lực TKV- CTCP;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc ban hành Quy định về lựa chọn nhà cung cấp hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực TKV - CTCP;

Căn cứ tờ trình của Phòng Kỹ Thuật An Toàn ngày 26/02/2023 về việc Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, An toàn điện năm 2024;

Căn cứ quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày /3/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 – TKV về việc phê duyệt dự toán, kế hoạch lựa chọn nhà cung, Hồ sơ yêu cầu cung cấp dịch vụ: Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, An toàn điện năm 2024;

Căn cứ biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng đã được Bên mời nhà cung cấp và Nhà cung cấp dịch vụ ký ngày /3/2024;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-ĐN5 ngày /3/2024 của Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động, An toàn điện năm 2024;

Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai Bên.

Hôm nay, ngày tháng 3 năm 2024, tại Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV, số 10, đường Hoàng Văn Thụ, Phường 1, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Chúng tôi, đại diện cho các bên ký hợp đồng, gồm có:

II. CÁC BÊN KÝ HỢP ĐỒNG

1. Bên A: Công ty Thủy điện Đồng Nai 5 - TKV

- Địa chỉ: Số 10, Hoàng Văn Thụ, Phường 1, Tp Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.
- Điện thoại: 0633.976.888.
- Số tài khoản: 112000166536 tại NH Công thương Bảo Lộc, Lâm Đồng.
- Mã số thuế: 0104297034-007.
- Người đại diện: Ông **Trần Văn Tuấn** Chức vụ: Giám đốc.

2. Bên B:

- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Số tài khoản
- Mã số thuế:
- Người đại diện:

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT HỢP ĐỒNG VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU

Điều 1. Đối tượng hợp đồng.

Bên A đồng ý thuê, Bên B đồng ý nhận thực hiện công tác Huấn luyện an toàn vệ sinh lao động (nhóm 1,2,3,4,5,6) thực hiện theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 và Huấn luyện An toàn điện theo Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ Công thương Quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện, cho người lao động thuộc Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV (Phụ lục hợp đồng và danh sách CBCNV kèm theo).

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của Bên A.

1. Cử cán bộ, công nhân viên có đủ điều kiện, đúng đối tượng theo quy định tham gia huấn luyện. Lập danh sách trích ngang học viên theo mẫu và gửi bản mềm về Phòng tuyển sinh doanh nghiệp 3 (email: tsdn3cdtkv@gmail.com) trước thời gian huấn luyện 10 ngày; gửi kèm 02 ảnh 3 x 4/học viên trước khi kết thúc lớp huấn luyện theo lịch, chịu trách nhiệm tập trung học viên, bố trí địa điểm tổ chức lớp học, cung cấp danh sách các học viên.

2. Phối hợp với Bên B quản lý lớp huấn luyện.

3. Phối hợp với bên B tổ chức kiểm tra kết thúc khóa huấn luyện, giải quyết các vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện.

4. Bố trí phòng học và các điều kiện cần thiết (máy chiếu, phong chiếu, thiết bị nghe nhìn...) để học viên và giảng viên thực hiện huấn luyện.

5. Lập sổ theo dõi huấn luyện định kỳ AT-VSLĐ cho các nhóm theo mẫu tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016.

6. Thanh toán cho Bên B theo đúng quy định của hợp đồng.

7. Lập kế hoạch về thời gian tổ chức lớp học, có trách nhiệm báo trước 07 ngày về thời gian tổ chức, lịch học cụ thể cho Bên B.

8. Bên B in thẻ an toàn điện và bên A có trách nhiệm ký đóng dấu theo Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ Công thương Quy định.

9. Bên B in thẻ an toàn nhóm 3 và bên A có trách nhiệm ký đóng dấu theo 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ.

10. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng.

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Bố trí giáo viên có đủ điều kiện, trình độ, kinh nghiệm để thực hiện công tác huấn luyện an toàn lao động (nhóm 1,2,3,4,5,6) và an toàn điện theo quy định.

2. Xây dựng chương trình chi tiết huấn luyện cho đối tượng lao động nhóm 1,2,3,4,5,6 và An toàn điện theo chương trình khung ban hành tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ; Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ Công thương và phần an toàn đặc thù của dây chuyền sản xuất của Nhà máy.

3. Tổ chức các lớp huấn luyện theo quy định và sự thống nhất của hai bên; Cung cấp đủ tài liệu học tập cho học viên tham dự khoá huấn luyện, phối hợp với bên A chuẩn bị các trang thiết bị cần thiết phục vụ khoá huấn luyện.

4. Tổ chức kiểm tra sát hạch, công nhận kết quả huấn luyện, ký sổ theo dõi huấn luyện theo đúng quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016.

5. Lưu giữ hồ sơ huấn luyện, Cấp thẻ An toàn và Cấp giấy chứng nhận theo quy định tại Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016.

6. Riêng cấp thẻ an toàn điện nhóm 3 theo Thông tư số 31/2014/TT-BCT ngày 02/10/2014 của Bộ Công thương Quy định chi tiết một số nội dung về an toàn điện, bên B có trách nhiệm in thẻ bên A có trách nhiệm ký đóng dấu.

7. Riêng cấp thẻ an toàn vệ sinh lao động nhóm 3 theo Nghị định 44/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ, bên B có trách nhiệm in thẻ bên A có trách nhiệm ký đóng dấu.

8. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hợp đồng.

Điều 4. Giá hợp đồng, thời hạn và phương thức thanh toán

1. Kinh phí huấn luyện:

Đơn giá áp dụng theo quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam ban hành tại Quyết định số 285/QĐ- TKV của ngày 22/3/2021 và quyết định số 1672/QĐ-TKV ngày 10/12/2021; Quyết định số 888/CĐTKV ngày 25/02/2022 của Trường Cao đẳng Than-Khoáng sản Việt Nam; Khi Tập đoàn có Quyết định thay đổi đơn giá đào tạo, Công ty và Nhà trường sẽ ký phụ lục hợp đồng để thực hiện theo quy định.

Giá hợp đồng tạm tính: **đồng** (Bằng chữ:). Chi tiết như phụ lục đính kèm.

** Giá trị thực tế của Hợp đồng được xác định trên cơ sở số lượng học viên thực tế tham gia huấn luyện, sát hạch đạt kết quả theo quy định nhân với đơn giá được thống nhất trong từng nhóm huấn luyện thuộc phụ lục hợp đồng đính kèm.*

Giá Hợp đồng bao gồm chi phí giảng dạy, chuẩn bị in ấn tài liệu, nội dung huấn luyện cho học viên, phí - lệ phí cấp giấy chứng nhận, cấp thẻ ATVSLĐ, cấp thẻ an toàn điện và các chi phí khác liên quan đến việc tổ chức khoá huấn luyện và tất cả các thuế theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thời hạn thanh toán:

a) Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100%.

b) Thời hạn thanh toán: Bên A sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 30

ngày kể từ ngày Bên A nhận được hồ sơ thanh toán đầy đủ các chứng từ hợp lệ.

c) Số lần thanh toán:

- Tạm ứng: Không tạm ứng.

Bên B không tạm ứng hợp đồng nhưng vẫn đảm bảo tiến độ, chất lượng yêu cầu công việc nêu trong hợp đồng.

- Thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng kể từ khi Bên A nhận được đầy đủ các chứng từ thanh toán của bên B như sau:

- + Công văn đề nghị thanh toán của bên B;
- + Biên bản quyết toán (hoặc Bảng tổng hợp giá trị đề nghị thanh toán);
- + Biên bản nghiệm thu huấn luyện hoàn thành;
- + Hoá đơn tài chính theo quy định do Bên B phát hành;
- + Giấy chứng nhận nhóm 2, 6.
- + Nhóm 4 ghi sổ.
- + Thẻ nhóm 3 và sổ theo dõi theo quy định.
- + Thẻ An toàn điện.
- + Các chứng từ khác liên quan (nếu có).

3. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

Điều 5. Loại hợp đồng

Hợp đồng này được thực hiện theo loại hợp đồng trọn gói.

Điều 6. Hình thức huấn luyện, thời gian và địa điểm huấn luyện

- Hình thức huấn luyện: Trực tiếp.

- Thời thực hiện hợp đồng: Trong vòng 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

+ Trường hợp vì lý do khách quan, do sự kiện bất khả kháng mà thời gian thực hiện hợp đồng lớn hơn 30 ngày thì các bên phải xem xét, thống nhất để ký phụ lục gia hạn.

+ Trường hợp vì lý do chủ quan mà bên B chậm quá thời gian theo hợp đồng thì Bên B phải chịu phạt do vi phạm hợp đồng quy định tại **Điều 7** của hợp đồng.

- Thời gian cấp giấy chứng nhận, in phôi thẻ HLATVSLĐ, thẻ An toàn điện: Không quá 60 ngày làm việc sau khi kết thúc toàn bộ công tác huấn luyện với điều kiện bên A đã cung cấp đầy đủ hồ sơ của học viên theo quy định và thanh toán 100% giá trị thực hiện hợp đồng cho bên B.

- Địa điểm thực hiện: Trụ sở văn phòng Công ty thủy điện Đồng Nai 5-TKV (Số 10, đường Hoàng Văn Thụ, phường 1, TP Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng).

Điều 7: Quy định về thưởng phạt:

1. Đối với Bên A:

- Phạt thanh toán chậm: Nếu Bên A chậm thanh toán theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng thì phải bồi thường cho Bên B với mức lãi suất bằng lãi suất cho vay trong hạn (phần trăm của năm) của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam tính từ ngày hết hạn thanh toán cho khoản tiền vi phạm.

2. Đối với bên B:

- Bên B thực hiện chậm so với thời gian đã ghi trong hợp đồng và chất lượng giảng dạy thì cứ chậm 1 ngày bị phạt 1% giá trị Hợp đồng, tổng mức phạt

chậm thời gian thực hiện hợp đồng và chất lượng tối đa là 8% giá trị Hợp đồng.

Điều 8: Phạt bồi thường thiệt hại và phạt hợp đồng.

1. Bồi thường thiệt hại:

- Bên B có trách nhiệm bồi thường mọi thiệt hại do Bên B gây ra theo các điều khoản của Hợp đồng này.

- Giá trị bồi thường thiệt hại bao gồm giá trị tổn thất thực tế, trực tiếp mà bên A phải chịu do Bên B có những hành vi vi phạm hợp đồng và các khoản lợi trực tiếp mà Bên A đáng lẽ được hưởng nếu không có hành vi vi phạm hợp đồng của Bên B.

2. Phạt hợp đồng:

- Phạt triển khai chậm: Sau khi người có trách nhiệm của Bên B nhận được thông tin yêu cầu huấn luyện an toàn-vệ sinh lao động cho người lao động năm 2021 từ người có trách nhiệm của bên A mà trong thời gian 05 (năm) ngày mà Bên B vẫn chưa có kế hoạch triển khai huấn luyện cụ thể thì được coi là vi phạm điều khoản triển khai chậm.

Điều 9. Chấm dứt hợp đồng

1. Bên A hoặc Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nếu một trong hai bên có vi phạm cơ bản về hợp đồng như sau:

a) Bên B không thực hiện một phần hoặc toàn bộ nội dung công việc theo hợp đồng trong thời hạn đã nêu trong hợp đồng hoặc trong khoảng thời gian đã được Bên A gia hạn;

b) Bên B bị phá sản, giải thể;

c) Các hành vi khác (nếu có).

2. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm a khoản 1 Điều này, Bên A có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng mà Bên B đã không thực hiện. Bên B sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Bên A những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng này. Tuy nhiên, Bên B vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng mà mình đang thực hiện và chịu trách nhiệm bảo hành phần hợp đồng đó.

3. Trong trường hợp Bên A chấm dứt hợp đồng theo điểm b khoản 1 Điều này, Bên A không phải chịu bất cứ chi phí đền bù nào. Việc chấm dứt hợp đồng này không làm mất đi quyền lợi của Bên A được hưởng theo quy định của hợp đồng và pháp luật.

Điều 10. Bất khả kháng.

- Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các Bên như động đất, bão, lũ lụt, lốc, sóng thần, lở đất, dịch bệnh, hỏa hoạn, chiến tranh, thời tiết xấu... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam. Bên B có nghĩa vụ phải thông báo ngay cho bên A trong ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng; hoặc thông báo cho đại diện bên A có trách nhiệm để xác nhận thông tin.

- Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên B không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng.

- Trường hợp bất khả kháng xảy ra làm cho bên B không thể tiếp tục thực

hiện được các nghĩa vụ theo hợp đồng thì hai Bên sẽ tiến hành xác nhận khối lượng mà bên B đã thực hiện được để làm cơ sở thanh toán cho bên B và tiến hành chấm dứt hợp đồng.

Điều 11. Bảo mật:

1. Bên A và Bên B phải bảo mật và không được phép, nếu không có văn bản đồng ý của bên kia, tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ tài liệu, dữ liệu hay thông tin nào được bên kia trực tiếp hay gián tiếp cấp cho liên quan đến Hợp đồng dù cho những thông tin như vậy được cấp trước, trong hay sau khi đã chấm dứt hợp đồng.

2. Điểm 1 trên đây, sẽ không áp dụng cho cả hai bên đối với các thông tin:

- Hiện tại hay sau này sẽ được phổ biến công khai không do lỗi của một bên nào; hoặc tại thời điểm tiết lộ có thể chứng minh được là đã thuộc về sở hữu của bên đó và không phải là các thông tin đã có được trước đó từ phía bên kia một cách trực tiếp hay gián tiếp; hoặc có thể có được theo con đường khác một cách hợp pháp cho bên đó từ một bên thứ ba mà không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ bảo mật nào.

- Phải cung cấp cho các cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định hiện hành của Chính phủ và Nhà nước Việt Nam.

3. Điều này sẽ không (dưới mọi hình thức) làm thay đổi bất kỳ cam kết nào về bảo mật do các bên ở đây đưa ra trước khi ký Hợp đồng này và bất kỳ phần nào của nó.

4. Điều này sẽ giữ nguyên hiệu lực dù Hợp đồng có bị chấm dứt vì bất kỳ lý do nào.

Điều 12. Tranh chấp và giải quyết tranh chấp

- Hòa giải: Các bên sẽ nỗ lực tối đa để giải quyết các tranh chấp hoặc bất đồng phát sinh liên quan đến hợp đồng bằng cách thương lượng trực tiếp hoặc báo cáo cấp trên có thẩm quyền giải quyết.

- Tòa kinh tế: Nếu sau 30 ngày kể từ khi bắt đầu thương lượng mà các bên không đạt được thỏa thuận về giải quyết các tranh chấp theo hợp đồng, thì một trong hai Bên có thể yêu cầu giải quyết các tranh chấp đó thông qua Tòa kinh tế có thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Quyết định của Tòa kinh tế được coi là phán quyết cuối cùng và có hiệu lực bắt buộc thi hành với cả hai Bên. Bên thua kiện sẽ phải chịu mọi chi phí.

Điều 13. Hiệu lực và thời hạn hợp đồng

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày được đại diện của hai Bên ký.

2. Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 6 bộ, Bên A giữ 4 bộ, Bên B giữ 2 bộ, các bộ hợp đồng có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN BÊN B
HIỆU TRƯỞNG

Trần Văn Tuấn

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

V/v Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động, An toàn điện năm 2024
(Kèm theo Hợp đồng số 391/2024/HĐXSKD-ĐN5 ký ngày 20/3/2024)

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Cộng (VNĐ)	Ghi chú
I	Huấn luyện an toàn lao động					
1	Nhóm 3 – Lần đầu	Học viên	02			
2	Nhóm 3 – Định kỳ	Học viên	40			
3	Nhóm 4 – Định kỳ	Học viên	16			
4	Nhóm 6 – Định kỳ	Học viên	01			
II	Huấn luyện an toàn điện					
1	Huấn luyện lần đầu	Học viên	01			
2	Huấn luyện định kỳ	Học viên	52			
Cộng giá trị chưa thuế						
Thuế VAT %						
Tổng cộng						

(Bằng chữ:đồng.)

